

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST  
Ngày: 28/03/2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Đặng Hữu Tấn.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh A tham gia phiên tòa:** Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: tổ 4, ấp HP, xã Đ, huyện T, tỉnh A (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị T1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B 1, xã M, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 15/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Huỳnh T trình bày:

Trước đây, bà Đào Thị T1 gặp khó khăn về kinh tế trong gia đình nên có vay của ông số T 5.000.000đ, thời hạn vay 1 tháng, không tính lãi. Trường hợp, trong

hạn 1 tháng bà T1 không có khả năng trả T vốn thì bà T1 phải góp cho ông T số T 6.500.000đ nhưng bà T1 không thực hiện theo thỏa thuận. Nhiều lần ông T liên hệ yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng cố tình né tránh. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số T 5.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 22/12/2018 đến khi xét xử vụ án.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bà Đào Thị T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T trình bày: Thực tế trong thời gian vay T từ năm 2018, trong khoản 10 ngày, đến đầu năm 2019 bà T1 có trả cho ông T 1.450.000đ, hai bên không thỏa thuận bà T1 trả T vốn hay lãi. Tuy nhiên, ông T tự nguyện xác định 1.450.000đ là T vốn nên đồng ý khấu trừ, do đó số T vốn còn lại 3.550.000đ. Theo yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22/12/2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tiếp tục tính lãi đến khi bà T1 trả hết số T nợ vốn, lãi cho ông T. Nay, ông tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/12/2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tự nguyện rút lại một phần số T vốn bà T1 đã trả 1.450.000đ. Ông T chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà T1 trả số T vốn còn lại 3.550.000đ và yêu cầu tính lãi đối với bà T1 từ ngày 28/03/2023 đến khi bà T1 trả hết nợ cho ông T.

Bị đơn bà Đào Thị T1 vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phần tranh luận: Ông Nguyễn Huỳnh T tự nguyện khấu trừ số T vốn đã nhận 1.450.000đ/5.000.000đ, số T vốn còn lại 3.550.000đ và tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số T vốn đã nhận và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Bà Đào Thị T1 vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản tố tụng được tổng đạt trực tiếp cho nguyên

đơn. Riêng bị đơn do từ chối nhận văn bản tại thời điểm tổng đạt nên Tòa án có thực hiện niêm yết đúng theo quy định là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 có trách nhiệm thanh toán số T 5.000.000đ vào ngày 22/12/2018, bà T1 có viết giấy mượn T và ký tên xác nhận, thời hạn vay là 01 tháng. Tuy nhiên sau khi mượn T thì bà T1 không thực hiện đúng cam kết như trong giấy mượn T; khi vay cả hai không thỏa thuận lại suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày bà T1 có góp cho ông tổng số T là 1.450.000 đồng nên ông đồng ý trừ vào T gốc, chỉ yêu cầu bà T1 trả số T 3.550.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi từ lúc bà T1 vay T đến khi xét xử, chỉ yêu cầu tính lãi từ khi xét xử đến khi bà T1 trả hết nợ.

Nhận thấy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đào Thị T1 trả cho ông T số T 3.550.000 đồng và rút lại việc tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/12/2018 đến khi xét xử vụ án và tính lại từ khi xét xử đến khi bà T1 trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị HĐXX Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T buộc bà Đào Thị T1 trả cho ông T số T 3.550.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/3/2023 đến khi bà T1 trả hết nợ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện

đối với T vốn là 1.450.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay T đến ngày 28/3/2023.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T có mặt, Bị đơn bà Đào Thị T1 vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa bà T1 vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T yêu cầu buộc bà Đào Thị T1 trả lại cho ông số T 5.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của ông T là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hiện nay bà Đào Thị T1 cư trú ấp B 1, xã M, thành phố L, tỉnh A, nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh A.

[3] Về nội dung vụ án: Theo giấy mượn T ngày 22/12/2018 của bà Đào Thị T1, sinh năm 1978, chứng minh nhân dân số 351331217, cấp ngày 17/02/2016, do Công an tỉnh A cấp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Hòa 1, xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh A có mượn của ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1969; nơi thường trú: ấp HP, xã Đ, huyện T, tỉnh A số T 5.000.000đ, hai bên thỏa thuận (hẹn) vay trong thời gian 01 tháng. Các bên thỏa thuận, hết thời hạn vay (01 tháng) bà T1 trả cho ông T số T vốn là 5.000.000đ, trường hợp hết thời hạn trả T mà bà T1 không trả vốn cho ông T thì 30 ngày sau bà T1 phải trả cho ông T tổng số T vốn, lãi là 6.500.000đ. Qua ý kiến trình của ông T cho bà T1 vay số T 5.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay (mượn) là 1 tháng kể từ ngày 22/12/2018. Bà T1 không trả T vốn, lãi và vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy giấy mượn T ngày 22/12/2018 bà T1 ký tên ghi rõ họ tên đã mượn (nhận) 5.000.000đ của ông T, thời hạn vay 1 tháng, không thỏa thuận mức lãi suất. Ông T đã tìm cách liên hệ bà T1 nhưng bà T1 vắng

mặt. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm trả số T nợ vốn cho ông là 5.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T tự nguyện khấu trừ số T vốn đã nhận 1.450.000đ/5.000.000đ, số T vốn còn lại 3.550.000đ và tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số T vốn 1.450.000đ. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện bà T1 có nhận số T 5.000.000đ của ông T nhưng đến nay chưa hoàn trả là vi phạm nghĩa vụ trả T. Xét giấy mượn T ngày 22/12/2018 thuộc trường hợp quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không cần phải chứng minh. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà T1 trả T vốn còn lại còn lại 3.550.000đ là phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Tại phiên tòa ông T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu trả T vốn 1.450.000đ, T lỗi theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/12/2018 đến khi xét xử vụ án và yêu cầu bà T1 trả T lỗi theo quy định pháp luật từ ngày 28/03/2023 đến khi bà T1 trả nợ cho ông T. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về một phần số T vốn và yêu cầu tính lãi của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu của ông T. Trong toàn bộ quá trình giải quyết bà T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu của bà T1.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001158, ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh A.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 233, 217, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T đối với bà Đào Thị T1. Buộc bà Đào Thị T1 trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số T 3.550.000đ (ba triệu, năm trăm, năm mươi ngàn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T đối với bà Đào Thị T1 về yêu cầu trả số T vốn gốc 1.450.000đ và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/12/2018 đến khi xét xử vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Nguyễn Huỳnh T số T 300.000đ theo biên lai thu số 0001158, ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh A.

Bà Đào Thị T1 phải nộp số T 300.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số T nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số T và thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Huỳnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà T1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Phương**